TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91**/2018/HSST
Ngày: 27/12/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lượng.

Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý.

Các hội thẩmnhân dân: 1/ Ông Nguyễn Ngọc Tính.

2/ Ông Nguyễn Văn Chiến.

3/ Ông Đoàn Văn Đây.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Xuân– Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Mai Thời Vũ– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 120/2018/HSST ngày 04/12/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2018/HSST- QĐ ngày 14/12/2018 đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: **Lê Ngọc T**, (Tên gọi khác: T1), sinh năm 1990 tại Đắk Lắk; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn P, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Phòng trọ thuộc tổ A, Khu phố B, phường A1, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; con ông: Lê Ngọc A2, sinh năm: 1968 và con bà: Phan Thị L, sinh năm: 1968; Gia đình có 07 chị em, bị can là thứ hai và chưa có vợ, con.

Tiền án:

- Ngày 23/10/2007, Lê Ngọc T bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999. Thời hạn tù tính từ ngày 04/5/2007.

- Ngày 05/4/2010, Lê Ngọc T có hành vi trộm cắp tài sản, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 11.250.000đ (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Đến ngày 26/8/2010, Lê Ngọc T bị tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm 04 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2010; Ngày 19/5/2010, Lê

Ngọc T có hành vi trộm cắp tài sản, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 20.400.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Đến ngày 20/9/2010, Lê Ngọc T bị tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt 02 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2010. Đến ngày 19/02/2013, Lê Ngọc T chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 10/6/2014, Lê Ngọc T bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 03 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, giá trị tài sản bị chiếm đoạt trên 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2013. Đến ngày 23/11/2016, Lê Ngọc T chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: không.

Bị can Lê Ngọc T bị bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2018 và chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

2. Họ và tên: **Vũ Anh K1**, (Tên gọi khác: D), sinh năm 1983 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu phố B2, phường T2, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; con ông: Vũ Văn Đ, sinh năm: 1959 và con bà: Nguyễn Thị Ngọc T3 (đã chết); Gia đình bị can có 04 anh chị em, bị can là thứ nhất; có vợ: Trần Thị Thanh T4, sinh năm 1987 và có 02 con lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không.

Bị can Vũ Anh K1 bị bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2018 và chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

3. Họ và tên: **Lê Phạm Minh H**, sinh năm 1997 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu phố B2, phường A1, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; con ông: Lê Hoàng S, sinh năm: 1973 và con bà: Phạm Thị Kim D1, sinh năm: 1973; Bị can là con một và chưa có vợ, con;

Tiền án: Ngày 28/7/2017, Lê Phạm Minh H bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Thời hạn tù tính từ ngày 22/02/2017. Đến ngày 22/02/2018, H chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: không.

Bị can Lê Phạm Minh H bị bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2018 và chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

4. Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Minh V1**, (Tên gọi khác: C), sinh năm 1995 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khu phố B3, phường T2, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; con ông: Nguyễn Đức T5, sinh năm: 1963và con bà: Nguyễn Thị C1, sinh năm: 1966; Gia đình có 02 anh em, bị can là thứ nhất và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị can Nguyễn Hoàng Minh V1 bị bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2018 và chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

5. Họ và tên: **Nguyễn Quốc B4**, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2000 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ A2, Khu phố B5, phường T6, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Khu phố B5, phường A1, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; con ông: Nguyễn Hữu T7, sinh năm: 1974 và con bà: Nguyễn Thị V2, sinh năm: 1978; Gia đình có 03 anh em, bị can là thứ nhất và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị can Nguyễn Quốc B4 bị bắt tạm giữ từ ngày 17/6/2018 và chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Quốc B4*: Bà Nguyễn Thị V2, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ A2, Khu phố B5, phường T6, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Trần Thị Thanh T4, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu phố B2, phường T2, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

+ Bà Phạm Thị Kim D1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu phố B2, phường A1, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Khu phố B2, phường T2, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc T, Nguyễn Quốc B4 theo luật định:* Ông Vũ Mạnh H1 – Công ty Luật TNHH MTV M - Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: P1, phường T8, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1) Hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy của Lê Ngọc T

Lê Ngọc T là đối tượng nghiện ma túy tổng hợp. Từ tháng 3/2018 đến ngày 16/6/2018, T đã 05 lần mua ma túy của người đàn ông tên B6 (chưa rõ lai lịch) với cách thức là T dùng điện thoại di động có các số thuê bao 0906.056.xxx, số 0976.238.xxx để liên lạc với B6 mua ma túy. Sau khi thỏa thuận giá cả xong, T chuyển tiền cho B6 qua dịch vụ "Viettel", rồi B6 chuyển ma túy qua dịch vụ gửi hàng qua đường xe ôtô khách (không rõ người điều khiển, biển số), mỗi lần mua 100 gam ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) và 01 lần mua 217 viên ma túy tổng hợp (thuốc lắc), với giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)/viên. Sau đó, T mang bán 06 viên ma túy thuốc lắc cho người nghiện (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 230.000đ (Hai trăm ba mươi nghìn đồng)/viên; số ma túy đá thì T phân thành nhiều gói nhỏ để bán cho các đối tượng nghiện, với giá từ 200.000đ (Hai trăm

nghìn đồng) đến 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/gói. Với cách thức bán: Khi người mua ma túy có nhu cầu mua ma túy thì gọi điện thoại vào số thuê bao 0906.056.xxx hoặc số 0976.238.xxx của T để hẹn cụ thể thời gian và địa điểm mua bán ma túy. Cụ thể:

- Vào các ngày 14, 25/5/2018 và ngày 08, 17/6/2018 tại khu vực ngã tư B7, thuộc khu công nghiệp B8, phường A1, thành phố B1, T đã 04 (Bốn) lần bán 04 (Bốn) gói ma túy tổng hợp với giá từ 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) đến 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/gói cho Vũ Anh K1.

- Vào các ngày 03, 10, 17/6/2018 tại khu vực trước Cổng khu công nghiệp B8, phường A1, thành phố B1, thì T đã 03 (Ba) lần bán 03 (Ba) gói ma túy tổng hợp, với giá từ 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) đến 8.000.000đ (Tám triệu đồng)/01 gói cho Lê Phạm Minh H.

Khoảng 09 giờ ngày 17/6/2018, T tiếp tục mua 02 (hai) gói ma túy tổng hợp (hàng đá) của B6, với giá 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu đồng). Sau đó, T lợi dụng lúc vợ chồng anh Phùng Thế H2 (em rễ) cùng chị Lê Thị Q (em ruột T) đi vắng, T mang 01 (một) gói ma túy lén giấu trên gác xếp phòng trọ Khu phố B9, phường L1, thành phố B1 của vợ chồng anh H2, chị Q, nên anh H2 vàchị Q không biết hành vi phạm tội của T. Số ma túy còn lại T mang về phòng trọ của T chia thành 07 (bảy) gói nhỏ cất giấu. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, tại phòng trọ thuộc Tổ A, Khu phố B, phường A1, thành phố B1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa phát hiện bắt quả tang thu giữ của T gồm: 07 (bảy) gói ma túy tổng hợp (hàng đá), 68 viên thuốc lắc màu xanh, 143 viên thuốc lắc màu hồng. Đồng thời, khoảng 21 giờ 05 phút cùng ngày, thu giữ tại phòng trọ của vợ chồngvợ chồng Phùng Thế H2, Lê Thị Q (là em rễ và em gái T) 01 gói ma túy tổng hợp nêu trên. Ngoài ra, còn thu giữ của T các vật chứng: 02 cân điện tử và 0,5 kg bịch nylon, T khai dùng để cân và phân chia ma túy; 01 khẩu súng ngắn có số hiệu MP654K- T1603296 (bên trong không có bình khí nén), 01 khẩu súng ngắn có số hiệu 09Q02343 (bên trong không có bình khí nén), 01 khẩu súng ngắn có số hiệu 09Q02051 (bên trong không có bình khí nén), 01 khẩu súng ngắn không có số hiệu (bên trong không có bình khí nén), 01 khẩu súng ngắn ký hiệu KKK1001 (bên trong không có bình khí nén), 200 (hai trăm) viên đạn màu đồng, đầu đạn màu đen; 200 (hai trăm) viên kim loại hình cầu màu trắng và 10 bình kim loại. T khai mua trên mạng nhưng chưa sử dụng; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone X có số Imel: 354849091689226, có số thuê bao 0906.056.xxx và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia có số thuê bao 0976.238.xxx là tài sản của T, T sử dụng làm phương tiện liên lạc để mua bán ma túy.

Ngoài ra, còn tạm giữ một số tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Ngọc T gồm:

- 01 xe môtô biển số 71S3- 35xx; 01 xe môtô biển số 60F2- 201.xx; 01 xe môtô biển số 60B1- 262.xx.T khai là do T cầm cố của một số người (không nhớ họ tên, địa chỉ).

- 01 xe môtô biển số 60F2- 285.xx.T khai là tài sản của anh Lê Ngọc S1 (em trai T) gửi T giữ hộ.

- 01 xe môtô biển số 83P3- 325.xx cùng 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 có số Imel: 356775080140624, có số thuê bao 0908.181.xxx là tài sản của chị Thái Thị Trúc L2, không liên quan gì đến việc mua bán trái phép chất ma túy của T nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị L2.

(Bút lục số 22, 23, 195).

Thu giữ tại phòng trọ của vợ chồng Phùng Thế H2, Lê Thị Q gồm: 01 gói nylon bên trong có chứa chất bột màu trắng, T khai là ma túy tổng hợp (hàng đá) của T cất giấu vào ngày 17/6/2018, chị Q, anh H2 không biết. (Búc lục số 06, 07).

* Tại kết luận giám định số 322/PC54-GĐMT ngày 22/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: "Mẫu tinh thể màu trắng (kí hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 846 gam, loại: Methamphetamine; Mẫu viên nén hình vuông màu xanh không xác định logo (kí hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 19,4831 gam, loại: Ketamine; Mẫu viên nén hình chữ nhật màu hồng không xác định logo (kí hiệu M3) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 57,5718 gam, loại: Ketamine; Mẫu tinh thể màu trắng (kí hiệu M6) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 989 gam, loại: Methamphetamine". (Bút lục số 52, 53).

* Tại kết luận giám định số 2615/C54B ngày 29/6/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh Tổng cục Cảnh sát kết luận: Khẩu súng ngắn màu đen số hiệu và ký hiệu KKK 1001 cỡ nòng 6mm; 01 (Một) khẩu súng ngắn màu đen có số hiệu T16032396, cỡ nòng 4,5mm và 01 (Một) khẩu súng ngắn màu đen không có số hiệu cỡ nòng 6mm gửi giám định là súng đồ chơi nguy hiểm, không phải là vũ khí quân dụng và không có tính năng tác dụng tương tự vũ khí quân dụng; 02 (Hai) khẩu súng ngắn ổ xoay màu đen, số hiệu 09Q02343 và 09Q02051 cỡ nòng 6mm nguyên là súng đồ chơi nguy hiểm. Hiện tại súng đã thêm kim hỏa và thiếu một số bộ phận nên không sử dụng được; 200 (Hai trăm) viên kim loại hình cầu màu trắng gửi giám định có đường kính 4mm và 4,5mm có thể sử dụng làm đạn để bắn cho khẩu súng đồ chơi nguy hiểm số hiệu T16032396 gửi giám định; 200 (Hai trăm) viên đạn màu đồng, đầu đạn màu đen gửi giám định là đạn thể thao cỡ (5,6 x 15,6)mm; 10 (Mười) bình kim loại hình trụ nhãn hiệu Zéfal là bình chứa khí nén sử dụng được cho 04 (Bốn) khẩu súng đồ chơi nguy hiểm số hiệu 09Q02343, 09Q02051, T16032396, KKK 1001.

(Bút lục số 56).

* Tại bản kết luận số 425/KLGĐ-PC09 (Đ3) ngày 25/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: Xe môtô biển số 71S3- 35xx có số khung là RMMWCH6MM51 607030, số máy là VDP1P52FMH-607030 không bị đục sửa; Xe môtô biển số 60F2- 201.xx có số khung là RLSBG41J0E0102922, số máy là G427-102353 không bị đục sửa; Xe môtô biển số 60B1- 262.xx, có số khung là RLHHC09093Y321781, số máy là HC09E-0321883 không bị đục sửa. (Bút lục số: 143).

Quá trình điều tra:

T khai thu lợi bất chính số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) từ hành vi phạm tội.

Đối với các xe môtô biển số 71S3- 35xx, biển số 60F2- 201.xx, biển số 60B1- 262.xx, biển số 60F2- 285.xx, hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được với chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

Đối với đối tượng tên B6 (chưa rõ lai lịch) có hành vi bán trái phép chất ma túy cho T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đang tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào bắt được xử lý sau.

Đối với Thái Thị Trúc L2, Lê Thị Q, Phùng Thế H2 không biết việc T cất giấu số ma túy trên cũng như việc mua bán trái phép chất ma túy của T, nên không đặt ra để xử lý.

Lê Ngọc T có hành vi tàng trữ 05 khẩu súng ngắn đồ chơi trẻ em nguy hiểm bị cấm cùng 200 viên đạn, 200 viên kim loại, 10 bình kim loại, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai ra quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

2) Hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy của Vũ Anh K1 và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Nguyễn Hoàng Minh V1

Vũ Anh K1, Nguyễn Hoàng Minh V1 đều là đối tượng nghiện ma túy tổng hợp (hàng đá), K1 cùng V1 thường sử dụng ma túy. Vào các ngày 14, 25/5/2018 và ngày 08/6/2018, K1 đã 03 (Ba) lần đến khu vực ngã tư B7, thuộc khu công nghiệp B8, phường A1, thành phố B1 gặp Lê Ngọc T để mua ma túy tổng hợp (hàng đá), mỗi lần mua 01 gói, với giá 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Sau đó, K1 mang về sử dụng 01 phần, phần còn lại phân thành nhiều gói nhỏ để bán cho người nghiện. Với cách thức là người mua ma túy gọi điện thoại vào số thuê bao 0967. 713.xxx của K1 để hẹn thời gian và địa điểm mua bán ma túy tổng hợp. Cụ thể: Vào các ngày 19, 27/5/2018, ngày 02, 10/6/2018, tại nhà của K1, K1 đã 04 (Bốn) lần bán 04 (Bốn) gói ma túy tổng hợp, với giá là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)/gói cho Trịnh Đức C2, sinh năm 1986, ngụ tại khu phố B, phường T2, thành phố B1. K1 còn lại 01 gói ma túy tổng hợp và K1 cất giấu vào trong gói thuốc lá để trên bàn phòng khách nhà K1.

Khoảng 11 giờ ngày 17/6/2018, K1 tiếp tục đến địa điểm trên, gặp T mua 01 gói ma túy tổng hợp, với giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau đó, K1 mang về nhà phân thành 04 gói nhỏ. Đến 20 giờ cùng ngày, K1 đưa cho V1 02 gói ma túy tổng hợp mang đến khu vực gần tiệm vàng "Ngọc L3" thuộc Khu phố B10, phường T2, thành phố B1 để bán cho người nghiện (không rõ lai lịch) với giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), V1 đồng ý điều khiển xe môtô biển số 60X8- 89xx mang 02 gói ma túy trên đến điểm hẹn, nhưng chưa kịp bán cho người nghiện thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa phát hiện bắt quả tang thu giữ 02 gói ma túy tổng hợp trên người V1. Đồng thời, khoảng 21 giờ cùng ngày, tại nhà của K1, Khu phố B2, phường T2, thành phố B1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa phát hiện bắt quả tang thu giữ của K1 03 gói ma túy tổng hợp còn lại, K1 chưa kịp bán. Ngoài ra, còn thu giữ khe giữa bàn và bức tường trong phòng khách nhà K1 01 gói ma túy tổng hợp.

Thu giữ vật chứng tại nhà của K1 gồm: 03 (ba) gói nylon, bên trong có chứa tinh thể màu trắng, K1 khai là ma túy tổng hợp (hàng đá) của K1; 01 (một)

gói nylon bên trong có chứa tinh thể màu trắng ở khe giữa bàn và bức tường trong phòng khách nhà K1 (không xác định chủ sở hữu); 01 (một) điện thoại di động hiệu HTC, có số thuê bao 0967.713.xxx. K1 khai là tài sản của K1, K1 dùng để liên lạc bán ma túy. (Bút lục: số 09).

Thu giữ vật chứng của V1 gồm: 02 (hai) gói nylon bên trong có chứa tinh thể màu trắng là ma túy tổng hợp (hàng đá) của K1 đưa cho V1 mang đi bán cho người nghiện nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang; 01 điện thoại di động hiệu Nokia có số Imel: 359737/04/486778/0, số thuê bao 0937.035.xxx là tài sản của V1 dùng để liên lạc với K1 trong việc phạm tội; Số tiền 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) là tài sản của V1 không liên quan đến việc phạm tội; 01 xe môtô biển số 60X8- 89xx là tài sản của chị Trần Thị Thanh T4 (vợ K1) và V1 mượn xe môtô này của chị T4 để đi công chuyện nên chị T4 không biết V1 dùng vào việc phạm tội. (Bút lục số: 05).

Ngoài ra, thu giữ một số tài sản tại nhà K1, không liên quan đến việc phạm tội của K1 gồm 05 xe môtô: biển số: 59S1- 054.xx; biển số 60Z9- 29xx; biển số 59L2- 486.xx; xe môtô không gắn biển số hiệu Yamaha Sirius; biển số 60B8- 192.xx; 11 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô biển số: 60F1- 712.xx; 72H1- 153.xx; 84H4- 96xx; 60X8- 89xx; 49B1- 578.xx; 59P1- 525.xx; 53S6- 57xx; 63K6- 27xx; 60B1- 979.xxx; 59P1- 779.xx; 60F2- 220.xx.

Đối với 04 xe môtô biển số 60X8- 89xx, biển số 86B8- 264xx, biển số 54H3- 37xx, biển số 68C1- 278.xx cùng 05 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô biển số: 68C1-278.xx, 66G1- 335.xx, 60L6- 52xx, 86B8- 264.xx, 60Z6- 70xx là tài sản của chị Trần Thị Thanh T4 (vợ K1) và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị T4. (Bút lục số: 203).

Đối với 01 xe ôtô hiệu Ford Fiesta biển số 81A- 075.xx là tài sản của bà Nguyễn Thị Hoàng Y (mẹ vợ K1), K1 mượn đi công việc nên bà Y không biết K1 sử dụng vào việc đi mua ma túy của T nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà Y. (Búc lụt số: 11, 15, 227, 229).

* Tại kết luận giám định số 323 ngày 25/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng (kí hiệu M1, thu trong người Nguyễn Hoàng Minh V1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 19,8025 gam, loại: Methamphetamine; Mẫu tinh thể màu trắng (kí hiệu M2 của K1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 9,9509 gam, loại: Methamphetamine; Mẫu tinh thể màu trắng (kí hiệu M3 của K1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,1680 gam, loại: Methamphetamine; Mẫu tinh thể màu trắng (kí hiệu M4, K1 khai không rõ của ai) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 2,0350 gam, loại: Methamphetamine. (Bút lục số: 49).

* Tại bản kết luận số 425/KLGĐ-PC09 (Đ3) ngày 25/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: Xe môtô biển số 59S1- 054.xx, có số khung là RLCS5C640BY576635, số máy là 5C64-576639 không bị đục sửa; Xe môtô không biển số cósố khung là RLCS5C640CY764765, số máy là 5C64-764776 không bị đục sửa; Xe môtô biển số 59L2- 486.xx, có số khung là RLHHC09067Y236371, số máy là HC09E-5334951 không bị đục sửa. (Bút lục số: 143).

Quá trình điều tra: K1 khai thu lợi bất chính số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) từ hành vi phạm tội; Đối với 01 gói ma túy tổng hợp có khối lượng 2,0350 gam, loại Metham phetamine, hiện chưa làm rõ nguồn gốc là của ai nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau; Đối với 05 xe môtô: biển số 59S1- 054xx, biển số 60Z9- 29xx, biển số 59L2- 486.xx, xe môtô không gắn biển số hiệu Yamaha Sirius, biển số 60B8- 192.xx cùng 11 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô biển số 60F1- 712.xx, 72H1- 153.xx, 84H4- 96xx, 60X8- 89xx, 49B1- 578.xx, 59P1- 525.xx, 53S6- 57xx, 63K6- 27xx, 60B1- 979.xx, 59P1- 779.xx, 60F2- 220.xx là tài sản K1 cầm cố của khách, hiện Cơ quan điều tra chưa làm rõ được chủ sở hữu nên tách ra xử lý sau.

Đối với Trịnh Đức C2 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã ra quyết định xử phạt hành chính.

3) Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Lê Phạm Minh H và Nguyễn Quốc B4:

Lê Phạm Minh H là đối tượng nghiện ma túy, vào các ngày 03, 10/6/2018, H đã 02 (hai) lần đến khu vực gần cổng khu công nghiệp B8, thuộc thành phố B1, gặp Lê Ngọc T để mua ma túy tổng hợp (hàng đá), mỗi lần 01 gói, với giá 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng). Sau đó, H mang về sử dụng một phần, phần còn lại phân thành nhiều gói nhỏ, với mục đích mang bán cho người nghiện.

Khoảng 11 giờ ngày 17/6/2018, H đến địa điểm trên tiếp tục gặp T mua 01 gói ma túy tổng hợp, với giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, H kêu Nguyễn Quốc B4 (cũng là người nghiện ma túy tổng hợp) điều khiển xe môtô biển số 60P8- 210.xx chở H mang theo gói ma túy tổng hợp trên đến khu vực gần nhà nghỉ "Bình Thủy V3" thuộc Khu phố B10, phường A1, thành phố B1, để bán cho người nghiện tên Đ1 (chưa rõ họ, địa chỉ), B4 đồng ý. Khi B4 chở H đến địa điểm trên, nhưng chưa kịp bán cho người nghiện thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa phát hiện bắt quả tang thu giữ trong người H 01 gói ma túy tổng hợp trên. Ngoài ra, còn thu giữ trong người B4 01 gói ma túy tổng hợp của B4 mang theo để sử dụng, gói ma túy này thì H không biết.

Thu giữ vật chứng quả tang gồm:

- 01 xe môtô biển số 60B8- 210.xx là tài sản của N (chưa rõ lai lịch, bạn H), H khai mượn của N đi công chuyện, N không biết H sử dụng vào việc phạm tội.

- Thu trong người của H:

+ 01 (một) gói nylon, bên trong có chứa tinh thể màu trắng, H khai là ma túy tổng hợp (hàng đá) và H nhờ B4 điều khiển xe môtô chở H mang gói ma túy tổng hợp này đi bán.

+ Số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) là tài sản của bà Phạm Thị Kim D1 (mẹ H), không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy của H.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao 0968.850.xxx và 01 điện thoại di động hiệu Oppo có số thuê bao 0869.607.xxx là tài sản của H, H sử dụng liên lạc mua bán trái phép chất ma túy.

- Thu trong người của B4:

+ 01 (một) gòi nylon, bên trong có chứa tinh thể màu trắng, B4 khai là ma túy tổng hợp (hàng đá) của B4 tàng trữ để sử dụng, H không biết B4 cất giấu gói ma tùy này trong người.

+ 01 điện thoại di động hiệu Vivo có số thuê bao 0888.642.xxx là tài sản của B4, B4 dùng để liên lạc bán ma túy.

(Bút lục số: 18, 19).

* Tại kết luận giám định số 322/PC54-GĐMT ngày 22/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng (kí hiệu M4 thu giữ của H) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 19,8554 gam, loại: Methamphetamine; Mẫu tinh thể màu trắng (kí hiệu M5 thu giữ của B4) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,1562 gam, loại: Methamphetamine; - (Bút lục số: 52, 53).

* Tại bản kết luận số 425/KLGĐ-PC09 (Đ3) ngày 25/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: Xe môtô biển số 60B8-210.xx, có số khung RMMWCH6MM51 607030, số máy VDP1P52FMH-607030 không bị đục sửa. (Bút lục số: 143).

Quá trình điều tra:

- H khai đã 01 lần đưa cho N1 (chưa rõ lai lịch) mang 01 gói ma túy bán cho người nghiên (chưa rõ lai lịch) và 02 lần H nhờ Nguyễn Quốc B4 mang 02 gói ma túy mang đi bán cho đối tượng tên Huỳnh M1 (chưa rõ lai lịch), với giá 500.000đ/gói. Do chưa xác minh được đối tượng N1, Huỳnh M1 nên chưa có đủ cơ sở để truy buộc H, B4 phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy". H khai không thu lợi từ việc mua bán trái phép chất ma túy.

- Đối với số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng), Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà Phạm Thị Kim D1 (mẹ H). (Bút lục số: 231).

- Đối với xe môtô 60B8- 210.xx, do chưa làm việc được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

- Đối với đối tượng tên N1, Huỳnh M1 (chưa rõ lai lịch) có hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đang tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 1039/CT-VKS-P1 ngày 30/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo:

- Lê Ngọc T, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Điểm b, Khoản 4, Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Vũ Anh K1, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", theo Điểm b, i, Khoản 2, Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Lê Phạm Minh H, Nguyễn Hoàng Minh V1, Nguyễn Quốc B4, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo Điểm g, Khoản 2, Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo Lê Ngọc T theo Điểm b, Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Vũ Anh K1 theo Điểm b,i, Khoản 2, Điều 251 Bộ luật Hình sự về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Nguyễn Hoàng Minh V1;

Lê Phạm Minh H; Nguyễn Quốc B4 theo Điểm g, Khoản 2, Điều 249 Bộ luật Hình sự về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Căn cứ tính chất mức độ của hành vi phạm tội các bị cáo đề nghị hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo: Lê Ngọc T 20 (hai mươi năm) tù; Vũ Anh K1 từ 07 (bảy) đến 08 (tám) năm tù; Lê Phạm Minh H từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) năm tù; Nguyễn Hoàng Minh V1 từ 05 (năm) đến 06 (sáu) năm tù; Nguyễn Quốc B4 từ 03 (ba) đến 04 (bốn) năm tù.

Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã nêu trong cáo trạng giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của luật sư Vũ Mạnh H1 bào chữa cho các bị cáo:

Nhất trí cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh và hình phạt cũng như quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa. Qua nghiên cứu hồ sơ và tham gia tại phiên tòa, luật sư có ý kiến như sau:

Trong vụ án này hầu hết các bị cáo đều còn trẻ tuổi nhưng đã sớm đi vào con đường nghiện ngập ma túy; Có bị cáo gia đình đã phát hiện nhưng không có biện pháp can ngăn kịp thời mới dẫn tới hậu quả ngày hôm nay phải chịu tội trước tòa án. Bản thân các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thật thà khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo T và bị cáo K1 đã tự nguyện nộp lại khoản thu lợi bất chính. Bị cáo K1 có cha, chú là người có công với Nhà nước; bị cáo K1 có 02 con còn nhỏ, vợ không có việc làm. Bị cáo Nguyễn Quốc B4 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi; bị cáo V1 chỉ là đồng phạm bán giùm ma túy cho bị cáo K1, không hưởng lợi. Ngoài ra, đề nghị hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ tại Điểm b, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T và K1 vì đã nộp số tiền thu lợi bất chính.

Về hình phạt Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị không cao, không thấp. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trởvề đoàn tụ với gia đình đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ thêm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử vàtại phiên tòa hôm nay các cơ quan tố tụng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Các bị cáo không bị cưỡng cung, ép cung hoặc nhục hình và được thực hiện đầy đủ các quyền tố tụng theo quy định.

[1] Về tội danh :

Tại phiên tòa hôm nay, qua lời thẩm vấn công khai và đối chiếu với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, các bị cáo Lê Ngọc T; Vũ Anh K1; Lê Phạm Minh H; Nguyễn Hoàng Minh V1; Nguyễn Quốc B4 khai nhận hành vi phạm tội của mình:

Do muốn có ma túy sử dụng và tiền để tiêu xài nên Lê Ngọc T đã nhiều lần có hành vi mua trái phép chất ma túy gồm loại: Methamphetamine, với tổng trọng lượng 1.884,7768 gam và loại: Ketamine, với tổng trọng lượng 77,0549 gam của người đàn ông tên B6 (chưa rõ lai lịch) mang về bán lại. Từ ngày 14/5/2018 đến ngày 17/6/2018, tại khu vực thuộc khu công nghiệp B8, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai, Lê Ngọc T đã 07 lần bán 07 gói ma túy tổng hợp (hàng đá), với giá từ 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) đến 10.000.000đ (mười triệu đồng)/gói cho Vũ Anh K1, Lê Phạm Minh H. Khoảng 21 giờ ngày 17/6/2018, tại phòng trọ thuộc tổ A, Khu phố B, phường A1, thành phố B1, Lê Ngọc T cất giấu 1.844,7768 gam ma túy, loại: Methamphetamine và 77,0549 gam ma túy, loại: Ketamine để bán thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa phát hiện bắt quả tang.

Từ nguồn ma túy nêu trên mua của Lê Ngọc T, từ ngày 19/5/2018 đến ngày 10/6/2018, Vũ Anh K1 đã 04 lần bán 04 gói ma túy tổng hợp, với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)/gói cho Trịnh Đức C2. Đến khoảng 20 giờ ngày 17/6/2018, K1 đưa 02 gói ma túy tổng hợp cho Nguyễn Hoàng Minh V1 mang đến khu vực gần tiệm vàng "Ngọc L3" thuộc Khu phố B10, phường T2, thành phố B1 để bán cho người nghiện (không rõ lai lịch), nhưng V1 chưa kịp bán thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa phát hiện bắt quả tang V1 đang tàng trữ trái phép 02 gói ma túy, có khối lượng 19,8025 gam loại: Methamphetamine. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, tại nhà số 83D/16, khu phố B2, phường T2, thành phố B1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa phát hiện bắt quả tang thu giữ 10,1189 gam ma túy, loại Methamphetamine của K1 chưa kịp bán.

Hành vi phạm tội của Lê Ngọc T; Vũ Anh K1 bị truy tố về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là đúng pháp luật.

Hành vi của Nguyễn Hoàng Minh V1 bị truy tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là có căn cứ.

Đối với Lê Phạm Minh H là con nghiện sau mỗi lần mua ma túy của Lê Ngọc T, Lê Phạm Minh H mang về sử dụng. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 17/6/2018, H kêu Nguyễn Quốc B4 điều khiển xe môtô biển số 60P8- 210.xx chở H mang theo 01 gói ma túy tổng hợp đến khu vực gần nhà nghỉ "Bình Thủy V3" thuộc khu phố B10, phường A1, thành phố B1 để bán cho người nghiện tên Đ1 (chưa rõ họ, địa chỉ), nhưng chưa kịp bán, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa phát hiện bắt quả tang thu giữ trong người H 01 (một) gói ma túy, có khối lượng 19,8554 gam loại: Methamphetamine. Đồng thời, thu giữ trong người B4 01 (một) gói ma túy, có khối lượng 0,1562 gam loại: Methamphetamine, B4 mang theo gói ma túy này H không biết. Hành vi phạm tội của Lê Phạm Minh H và Nguyễn Quốc B4 đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là đúng quy định pháp luật.

Như vậy: Tổng cộng bị cáo Lê Ngọc T đã nhiều lần có hành vi mua bán trái phép chất ma túy loại: Methamphetamine với tổng trọng lượng 1.884,7768 gam và loại: Ketamine với tổng trọng lượng 77,0549 gam.

Tổng cộng bị cáo Vũ Anh K1 đã nhiều lần có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine với tổng trọng lượng 29,9214 gam.

Bị cáo Lê Phạm Minh H có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, loại: Methamphetamine với tổng trọng lượng là 19,8554 gam.

Bị cáo Nguyễn Hoàng Minh V1 có hành vi đồng phạm tàng trữ trái phép chất ma túy, loại: Methamphetamine với tổng trọng lượng là 19,8025 gam.

Đối với bị cáo Nguyễn Quốc B4 có hành vi đồng phạm về tội“ Tàng trữ trái phép chất ma túy” với bị cáo Lê Phạm Minh H 19,8025 gam loại Methamphetamine và tàng trữ 0,1562 gam loại Methamphetamine. Tổng cộng trọng lượng là 20,0116 gam.

Hành vi của bị cáo Lê Ngọc T đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điểm b, Khoản 4, Điều 251 Bộ luật Hình sự; Vũ Anh K1 đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo Điểm b, i, Khoản 2, Điều 251 Bộ luật Hình sự; Lê Phạm Minh H, Nguyễn Hoàng Minh V1, Nguyễn Quốc B4 đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Điểm g, Khoản 2, Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về hình phạt:

Xét vai trò, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, bản thân các bị cáo hiểu rõ tác hại của các chất ma túy nhưng vì hám lợi, lười lao động nên đã lao vào con đường phạm tội, là nguyên nhân gây nên các tệ nạn xã hội.

Trong vụ án này, Lê Ngọc T là bị cáo giữ vai trò cao nhất, mua bán ma túy với số lượng lớn Methamphetamine 1.884,7768 gam và loại: Ketamine 77,0549 gam, phạm tội nhiều lần, nhân thân có 03 tiền án về tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo T phạm vào hai tình tiết tăng nặng là “phạm tội hai lần trở lên” và “tái phạm nguy hiểm” quy định tại Điểm g, h Khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Do đó, cần có mức án thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thời gian dài để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là đúng quy định.

Đối với bị cáo Vũ Anh K1 mua bán ma túy nhiều lần với bị cáo Lê Ngọc T, tổng trọng lượng Methamphetamine 29,9214 gam, để sử dụng và 04 (bốn) lần bán 04 (bốn) gói ma túy tổng hợp, với giá là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)/gói cho người nghiện Trịnh Đức C2 vào các ngày 19, 27/5/2018, ngày 02, 10/6/2018, tại nhà của bị cáo K1. Hành vi của bị cáo K1 thực hiện mua bán nhiều lần, nên phải chịu trách nhiệm về tội “Mua bán trái phép chất ma túy theo Khoản 2, Điều 251 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng Minh V1 có hành vi mang ma tuý đi bán giúp cho bị cáo Vũ Anh K1 nhưng chưa bán được thì bị phát hiện nên phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, loại Methamphetamine với tổng trọng lượng là 19,8025 gam theo quy định tại Điểm g, Khoản 2, Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với bị cáo Lê Phạm Minh H có hành vi mua ma túy của bị cáo Lê Ngọc T để sử dụng và cùng với bị cáo Nguyễn Quốc B4 mang ma túy đi bán nhưng chưa bán được thì bị phát hiện nên phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", loại: Methamphetamine với tổng trọng lượng là 19,8554 gam theo quy định tại Điểm g, Khoản 2, Điều 249 Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Quốc B4 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túyvới trọng lượng 0,1652 gam Methaphetamine để sử dụngvà cùng với bị cáo Lê Phạm Minh H mang ma túy đi bán nhưng không bán được nên phải chịu trách nhiệm về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đối với khối lượng mà bị cáo H đã vi phạm và phần ma túy của mình mang theo sử dụng với tổng trọng lượng là 20,0116 gamMethamphetamine.

* Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Ngọc T: Tự nguyện nộp lại khoản thu lợi bất chính, thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội nhiều lần và có 03 tiền án đã phạm vào 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên" và "Tái phạm nguy hiểm" được quy định tại Điểm g, h Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Vũ Anh K1 là đồng phạm mua lại ma túy của bị cáo T, thành khẩn khai báo nhận tội, có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự), có cha, chú là người có công với Nhà nước, đã tự nguyện nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính, thật thà khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ không có việc làm, phải nuôi hai con còn nhỏ...tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án.Do đó, cần có mức án tương xứng phù hợp với tính chất mức độ của hành vi gây ra và xét xử dưới khung hình phạt quy định cũng thỏa đáng với pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoàng Minh V1 là đồng phạm với bị cáo K1 và chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy 19,8025 gam tàng trữ cùng với bị cáo Vũ Anh K1, vai trò là người thực hành; có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự), thật thà khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, nên xem xét vai trò và có mức án tương xứng theo quy định là thỏa đáng.

Đối với bị cáo Lê Phạm Minh H: là đồng phạm mua lại ma túy của bị cáo T để sử dụng; thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tuy nhiên, có 01 tiền án và lôi kéo bị cáo Nguyễn Quốc B4 phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên đã phạm vào 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm h, o Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cũng cần có mức án tương xứng để răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Quốc B4 là đồng phạm với vai trò là người giúp sức cho bị cáo Lê Phạm Minh H; phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi; có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự), tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình

giải quyết vụ án, cũng cần có mức án tương xứng nhưng thấp hơn bị cáo Lê Phạm Minh H là đúng pháp luật.

Trong vụ án này trước khi xét xử Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng Minh V1; Lê Phạm Minh H; Nguyễn Quốc B4 đều là đồng phạm của tội "Mua bán trái phép chất ma túy" nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố nên tòa xét xử theo giới hạn quy định của pháp luật; đồng thời, kiến nghị cấp trên xem xét.

Ngoài ra, trong vụ án này còn có các đối tượng liên quan đến việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy bao gồm: đối tượng tên B6 (chưa rõ lai lịch) có hành vi bán trái phép chất ma túy cho bị cáo T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đang tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào bắt được xử lý sau.

+ Đối với Thái Thị Trúc L2, Lê Thị Q, Phùng Thế H2 không biết việc bị cáo T cất giấu số ma túy trên cũng như việc mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo T, nên không đặt ra để xử lý. Tuy nhiên, cũng cần giáo dục nhắc nhở tại phiên tòa để sau này không vi phạm nữa.

+Đối với Trịnh Đức C2 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã ra quyết định xử phạt hành chính nên ghi nhận.

+ Đối với đối tượng tên N1, Huỳnh M1 (chưa rõ lai lịch) có hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đang tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau nên ghi nhận.

[3] Qua tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng: Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ là phù hợp nên được ghi nhận. Riêng tình tiết khắc phục hậu quả theo Điểm b, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp nên không ghi nhận.

[4] Ý kiến tranh luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với tổng số ma túy còn lại đã được niêm phong sau giám định. Bao gồm:02 gói niêm phong số: 323/ PC54-GĐMT và số: 322/PC54-GĐMT ngày 26/06/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai là chất cấm cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

- Đối với 02 cân điện tử và 0,5 kg bịch nylon là vật chứng bị cáo T dùng vào việc sử dụng và mua bán ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định

- Đối với 01 khẩu súng ngắn có số hiệu MP654K- T1603296; 01 khẩu súng ngắn có số hiệu 09Q02343; 01 khẩu súng ngắn có số hiệu 09Q02051; 01 khẩu súng ngắn không có số hiệu; 01 khẩu súng ngắn ký hiệu KKK1001; 200 (Hai trăm) viên kim loại hình cầu màu trắng và 06 (Sáu) bình kim loại ghi hiệu Zéfal đã được giám định tại biên bản kết luận giám định số 2651/C.54B ngày 29/06/2018 của Phân viện K1 học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh là súng và

đạn thuộc loại đồ chơi nguy hiểm không được phép lưu hành cần tịch thu tiêu hủy là đúng pháp luật.

+ Đối 02 (một) điện thoại di động thu giữ của bị cáo T gồm: 01 (một) hiệu Iphone X có số Imel: 354849091689226, có số thuê bao 0906.056.xxx và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia có số thuê bao 0976.238.xxx, bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, phát mãi,sung công theo quy định.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu HTC đã thu giữ của bị cáo K1, có số thuê bao 0967.713.xxx đã thu giữ của bị cáo K1 dùng để liên lạc bán ma túycần tịch thu, phát mãi, sung công theo quy định.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của bị cáo V1 có số Imel: 359737/04/486778/0, số thuê bao 0937.035.xxx, bị cáo V1 dùng để liên lạc với bị cáo K1 bán ma túy cần tịch thu, phát mãi, sung công theo quy định.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone thu giữ của bị cáo H có số thuê bao 0968.850.xxx và 01 điện thoại di động hiệu Oppo có số thuê bao 0869.607.xxx, bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu, phát mãi, sung công theo quy định.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo thu giữ của bị cáo B4 có số thuê bao 0888.642.xxx, bị cáo B4 dùng để liên lạc bán ma túycần tịch thu, phát mãi, sung công theo quy định.

Đối với số tiền: 1.000.000đ (Một triệu đồng) do bị cáo Vũ Anh K1 nộp (theo giấy nộp tiền ngày 14/11/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai) và 2.000.000đ do bị cáo Lê Ngọc T nộp (theo giấy nộp tiền ngày 12/11/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai) đây là khoản tiền thu lợi bất chính nêntịch thu sung công quỹ Nhà nước là đúng quy định.

- Đối với số tiền thu giữ số tiền 950.000đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo V1 (theo giấy nộp tiền ngày 31/10/2018 tại kho bạc tỉnh Đồng Nai), không liên quan đến vụ án nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 200 (Hai trăm) viên đạn màu đồng, đầu đạn màu đen chưa bắn cỡ (5,6 X 15,6)mm sau giám định còn lại 150 viên (theo biên bản kết luận ngày 29/06/2018 của phân viện Khoa học hình sựThành phố Hồ Chí Minh) là đạn thể thao nên cần giao cho Cơ quan chuyên trách thuộc tỉnh đội Đồng Nai quản lý theo quy định.

+ Đối với 04 xe môtô biển số 60X8- 89xx, biển số 86B8- 264xx, biển số 54H3- 37xx, biển số 68C1- 278.xx cùng 05 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô biển số: 68C1-278.xx, 66G1- 335.xx, 60L6- 52xx, 86B8- 264.xx, 60Z6- 70xx là tài sản của chị Trần Thị Thanh T4 (vợ K1) và không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị T4 nên không xử lý.

+ Đối với 01 xe ôtô hiệu Ford Fiesta biển số 81A- 075.xx là tài sản của bà Nguyễn Thị Hoàng Y (mẹ vợ K1), bị cáo K1 mượn đi công việc nên bà Y không

biết bị cáo K1 sử dụng vào việc đi mua ma túy của bị cáo T nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà Y. (Bút lục số: 11, 15, 227, 229) nên không xử lý.

+ Đối với số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) là tài sản của bà Phạm Thị Kim D1 (mẹ bị cáo H), không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo H cơ quan điều tra đã trả lại cho bàD1 nên không xử lý.

+Đối với các xe môtô biển số 71S3- 35xx, biển số 60F2- 201.xx, biển số 60B1- 262.xx, biển số 60F2- 285.xx, hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được với chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau là phù hợp nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo **Lê Ngọc T, Vũ Anh K1** phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; các bị cáo **Lê Phạm Minh H, Nguyễn Hoàng Minh V1, Nguyễn Quốc B4** phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng Điểm b, Khoản 4, Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm s, t Khoản 1, Điều 51; Điểm g, h Khoản 1, Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Lê Ngọc T 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2018.

- Áp dụng Điểm b, i Khoản 2, Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s, t, x Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Vũ Anh K1 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2018.

- Áp dụng Điểm g, Khoản 2, Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm s, t Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (áp dụng thêm Điểm h, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Phạm Minh H; áp dụng thêm Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sựnăm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Quốc B4).

Xử phạt bị cáo Lê Phạm Minh H 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày17/6/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Minh V1 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày17/6/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B4 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/6/2018.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: Tổng số ma túy còn lại đã được niêm phong sau giám định bao gồm: 02 gói niêm phong số: 323/ PC54-GĐMT và số: 322/PC54-GĐMT ngày 26/06/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai; 02 cân điện tử và 0,5 kg bịch nylon; 01 khẩu súng ngắn có số hiệu MP654K-T1603296; 01 khẩu súng ngắn có số hiệu 09Q02343; 01 khẩu súng ngắn có số hiệu 09Q02051; 01 khẩu súng ngắn không có số hiệu; 01 khẩu súng ngắn ký hiệu KKK1001; 200 (Hai trăm) viên kim loại hình cầu màu trắng và 06 (Sáu) bình kim loại ghi hiệu Zéfal còn lại sau giám định.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X của bị cáo Lê Ngọc Tcó số Imel: 354849091689226, có số thuê bao 0906.056.xxx và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia có số thuê bao 0976.238.xxx, bị cáoT sử dụng vào việc phạm tội.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu HTC, thu giữ của bị cáo Vũ Anh K1, có số thuê bao 0967.713.xxx, bị cáo K1 dùng để liên lạc bán ma túy.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia của bị cáo Nguyễn Hoàng Minh V1, có số Imel: 359737/04/486778/0, số thuê bao 0937.035.xxx, bị cáo V1 dùng để liên lạc với bị cáo K1 bán ma túy.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone của bị cáo Lê Phạm Minh H có số thuê bao 0968.850.xxx và 01 điện thoại di động hiệu Oppo có số thuê bao 0869.607.xxx, bị cáo H sử dụng vào việc phạm tội; 01 điện thoại di động hiệu Vivo của bị cáo Nguyễn Quốc B4, có số thuê bao 0888.642.xxx, bị cáo B4 dùng để liên lạc bán ma túy.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 950.000đ (chín trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo V1 để đảm bảo thi hành án (theo giấy nộp tiền ngày 31/10/2018 tại kho bạc tỉnh Đồng Nai).

(Các vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số NK 190008 ngày 30/10/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

- Giao 150 (Một trăm năm mươi) viên đạn màu đồng, đầu đạn màu đen chưa bắn cỡ (5,6 X 15,6)mm còn lại sau giám định cho Cơ quan chuyên trách quản lý (Theo biên bản giao nhận vật chứngngày 30/10/2018 của Phòng tham mưu- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Nai).

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền:1.000.000đ (Một triệu đồng) do bị cáo Vũ Anh K1 nộp (theo giấy nộp tiền số 08582 ngày 14/11/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai) và 2.000.000 đ do bị cáo Lê Ngọc T nộp (theo giấy nộp tiền số 08581 ngày 12/11/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Lê Ngọc T, Vũ Anh K1, Lê Phạm Minh H, Nguyễn Hoàng Minh V1, Nguyễn Quốc B4 phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt các bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- Trại tạm giam công an tỉnh Đồng Nai (5);
- Bị cáo (5);
- Phòng PV 27 – Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Đồng Nai (PC 45) (1);
- Phòng Thi hành án hình sự Tòa án tỉnh (1);
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (1)
- Luật sư;
-Người đại diện hợp pháp của bị cáo (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (3);
- Lưu hồ sơ, lưu vp (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thành Lượng